

Bản án số: 367/2026/DS-ST
Ngày: 18-8-2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thúy Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ánh Nhạn

2. Ông Tạ Kỳ Trung

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh tham gia phiên tòa:** bà Hồ Thị Yến Nhi – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 699/2026/TLST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 433/2026/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** bà **Vương Thị G**, sinh năm 1980; CCCD số 072180001749 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 18/9/2021; HKTT: **ấp X, xã P, tỉnh Tây Ninh**; chỗ ở hiện nay: **ấp P xã P, tỉnh Tây Ninh**, “vắng mặt”.

- **Bị đơn:** bà **Nguyễn Thị Minh H**, sinh năm 1989; CCCD số 072189008013 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 23/4/2021; địa chỉ: **ấp G, xã P, tỉnh Tây Ninh**, “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2026, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Ngày 10/7/2023 bà **Nguyễn Thị Thanh H1** có vay của bà vay số tiền 35.000.000 đồng. Thời hạn vay là đến ngày 30/9/2023, không có lãi suất. Vài ngày sau bà **H1** có vay thêm 1.000.000 đồng. Chữ viết trong giấy nợ là do bà **H1** ghi. Sau đó, tháng 09 năm 2023 bà **H1** có trả cho bà **G** 1.000.000 đồng và 25.000.000

đồng. Phía sau giấy nợ có nội dung do bà **G** viết đã trả 25.000.000 đồng. Riêng số tiền 1.000.000 đồng trả không làm biên nhận. Còn nợ lại 10.000.000 đồng hẹn nhiều lần không trả nên bà **G** khởi kiện.

Nay bà **G** yêu cầu bà **H1** trả số tiền còn lại 10.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả từ ngày 01/10/2023 đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi suất 10%/năm (tính tròn tháng). Đây là nội dung vay mượn riêng nên bà **G** không yêu cầu chồng bà **H1** cùng trả nợ. Khi cho vay, bà **G** không có giữ giấy tờ gì của bà **H1**.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn trình bày:

Không có ý kiến trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận yêu cầu về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của bà **Vương Thị G** đối với bà **Nguyễn Thị Minh H**. Buộc bà **Nguyễn Thị Minh H** có nghĩa vụ trả cho bà **Vương Thị G** số tiền vay gốc là 10.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật.

+ Về án phí sơ thẩm dân sự: được tính theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: bà **Vương Thị G** có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bà **Nguyễn Thị Minh H** đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng không đến Tòa án. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: bà **G** khởi kiện cung cấp chứng cứ là 01 Giấy cho vay tiền ngày 10/7/2023 có nội

dung bà **Nguyễn Thị Minh H** vay số tiền 35.000.000 đồng, thời hạn vay đến cuối tháng 9 năm 2023, vay không có lãi suất và có mượn thêm 1.000.000 đồng. Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử, bà **H** đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập nhưng không đến Tòa án, không thể hiện ý kiến phản đối yêu cầu của nguyên đơn, cũng như cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án được giải quyết theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ. Như vậy, có cơ sở xác định việc bà **H** vay tiền của bà **G** là có thật, đây là hợp đồng vay có kỳ hạn, không lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015.

[3] Phía sau Giấy cho vay tiền ngày 10/7/2023 có nội dung: tháng 9 năm 2023 **H** có trả 25.000.000 đồng. Bà **G** xác định bà **H** đã trả 26.000.000 đồng, còn nợ lại 10.000.000 đồng. Do đã quá thời hạn trả nợ mà bà **H** không thanh toán đủ số tiền vay nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **G**, cần buộc bà **H** trả số tiền gốc 10.000.000 đồng.

[7] Về lãi suất: nguyên đơn yêu cầu trả tiền lãi chậm trả từ ngày 01/10/2023 đến ngày xét xử với mức lãi suất 10%/năm. Theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 thì tiền lãi chậm trả được tính với mức lãi suất 10%/năm trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với quy định của Điều 466, Điều 468, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, tiền lãi được tính như sau: 10.000.000 đồng x 10%/năm x 02 năm 10 tháng = 2.833.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[9] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh là có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bà **Nguyễn Thị Minh H** phải chịu 642.000 đồng (sáu trăm bốn mươi hai nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà **Vương Thị G** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà **Vương Thị G** được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0010393 ngày 14/5/2026 của Thi hành án dân sự Tây Ninh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 463, 465, 466, 468, **khoản 1 Điều 470** Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 01/2019/HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà **Vương Thị G** đối với bà **Nguyễn Thị Minh H** về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà **Nguyễn Thị Minh H** có nghĩa vụ trả cho bà **Vương Thị G** số tiền tổng cộng là 12.833.000 đồng (mười hai triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng, tiền lãi là 2.833.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà **Nguyễn Thị Minh H** phải chịu 642.000 đồng (sáu trăm bốn mươi hai nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà **Vương Thị G** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà **Vương Thị G** được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0010393 ngày 14/5/2026 của Thi hành án dân sự Tây Ninh.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 36 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 12 – Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Phòng THADS khu vực 12;
- Đường sự;
- Lưu.